

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**cho năm tài chính 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**

Địa chỉ: Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3647 505 Fax: (84-36) 3647 506

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000039 ngày 24/12/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 1000283494 ngày 17/10/2013. Công ty đã có 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000283494 thay đổi lần thứ 6 ngày 17/10/2013 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **15.102.800.000 VND** (*Mười lăm tỷ, một trăm lẻ hai triệu, tám trăm nghìn đồng*).

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (chi tiết: Sản xuất xi măng);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn xi măng);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ xi măng).

Địa chỉ: Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3647 505 Fax: (84-36) 3647 506

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Tổng Hải Đường	Chủ tịch (Miễn nhiệm chức vụ chủ tịch và bổ nhiệm làm ủy viên ngày 22/03/2013)
Bà Bùi Thị Nguyên Hạnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm 22/03/2013)
Ông Phạm Đức Long	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm 22/03/2013)
Ông Vũ Đại	Ủy viên (Bổ nhiệm 22/03/2013)
Ông Nguyễn Quang Thái	Ủy viên (Bổ nhiệm 22/03/2013)
Bà Vũ Thị Cấp	Ủy viên (Miễn nhiệm 22/03/2013)
Ông Phạm Quang Liêm	Ủy viên (Miễn nhiệm 22/03/2013)
Ông Phạm Văn Tân	Ủy viên (Miễn nhiệm 22/03/2013)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Tổng Hải Đường	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/10/2013)
Ông Bùi Văn Dục	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/10/2013 và miễn nhiệm ngày 13/02/2014)
Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

Ông Nguyễn Như Phát	Phó Tổng giám đốc
Bà Vũ Thị Cấp	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 15/05/2013)
Ông Phạm Đức Long	Kế toán trưởng kiêm Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2013 và từ ngày 13/02/2014 được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc)
Ông Vũ Duy Thôn	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 13/02/2014)

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo quyết định số **15/QĐ-HĐQT** tại ngày 13/02/2014 về việc miễn nhiệm Ông Bùi Văn Dục thôi giữ chức Tổng Giám đốc kể từ ngày 13/02/2014. Quyết định số **17-QĐ-HĐQT** tại ngày 13/02/2014 của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm Ông Phạm Đức Long thôi giữ chức Kế toán trưởng và bổ nhiệm Ông Phạm Đức Long làm Tổng Giám đốc kể từ ngày 13/02/2014. Quyết định số **18-QĐ/HĐQT** ngày 13/02/2014 của Chủ tịch hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Ông Vũ Duy Thôn là Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 13/02/2014. Vì vậy, báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình được ký bởi Ông Phạm Đức Long và Ông Vũ Duy Thôn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

*Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**

---

**Phạm Đức Long**

**Tổng Giám đốc**

*Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2014*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình được lập ngày 24 tháng 01 năm 2014 từ trang 07 đến trang 29**, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Trên 50% doanh thu trong kỳ của Công ty là bán hàng cho Công ty Cổ phần Thương mại xi măng Thái Bình. Theo đó các hợp đồng bán hàng nêu trên được coi là hợp đồng bán hàng của hai Doanh nghiệp có quan hệ liên kết theo quy định hiện hành. Chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về giá bán hàng cho Công ty Cổ phần Thương mại xi măng Thái Bình, và ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

## **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình giữ 05 bản bằng tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

---

**Phạm Ngọc Toàn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

---

**Cao Thị Hà**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1787-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>33.079.417.247</b>	<b>22.865.667.839</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>336.098.843</b>	<b>1.451.207.967</b>
1 Tiền	111		336.098.843	1.451.207.967
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.743.079.572</b>	<b>4.163.966.785</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	18.864.208.426	4.277.540.725
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	25.469.400	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	8.914.436	3.000.000
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(155.512.690)	(116.573.940)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.564.933.528</b>	<b>17.250.493.087</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	12.564.933.528	17.250.493.087
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.435.305.304</b>	-
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.205.518.380	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		142.759.324	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	87.027.600	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>29.017.611.196</b>	<b>29.798.014.380</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.881.855.451</b>	<b>29.798.014.380</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	28.877.500.451	29.179.691.238
- Nguyên giá	222		62.169.437.680	61.619.489.845
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.291.937.229)	(32.439.798.607)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	4.355.000	8.375.000
- Nguyên giá	228		33.500.000	33.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.145.000)	(25.125.000)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	-	609.948.142
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>135.755.745</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	135.755.745	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>62.097.028.443</b>	<b>52.663.682.219</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



Mẫu B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>42.294.585.836</b>	<b>31.039.478.153</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.776.381.123</b>	<b>27.887.963.490</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	19.119.145.196	15.310.547.377
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	10.677.235.806	3.030.930.803
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	2.542.330	24.992.936
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	718.491.888	2.687.837.084
5 Phải trả người lao động	315		2.483.382.867	2.118.456.180
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	241.187.539	385.487.098
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	4.002.832.831	1.782.617.511
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.531.562.666	2.547.094.501
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.518.204.713</b>	<b>3.151.514.663</b>
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	3.518.204.713	3.151.514.663
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>19.802.442.607</b>	<b>21.624.204.066</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13.</b>	<b>19.802.442.607</b>	<b>21.624.204.066</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.102.800.000	15.102.800.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.125.670.663	913.468.979
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.212.356.793	2.106.255.951
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.273.561.445	1.167.460.603
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		88.053.706	2.334.218.533
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>62.097.028.443</b>	<b>52.663.682.219</b>

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Duy Thôn

Phạm Đức Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.14.</b>	<b>73.106.252.930</b>	<b>82.400.545.161</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>73.106.252.930</b>	<b>82.400.545.161</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	66.273.891.879	73.699.422.333
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.832.361.051</b>	<b>8.701.122.828</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	8.868.989	19.850.673
7 Chi phí tài chính	22	VI.17.	2.007.774.620	1.926.235.763
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.007.774.620</i>	<i>1.926.235.763</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	325.198.735	541.215.384
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	5.337.379.111	4.387.335.769
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(829.122.426)</b>	<b>1.866.186.585</b>
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.8	1.002.380.862	963.169.212
12 Chi phí khác	32	VIII.2.9	55.853.495	-
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>946.527.367</b>	<b>963.169.212</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>117.404.941</b>	<b>2.829.355.797</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	29.351.235	495.137.264
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>88.053.706</b>	<b>2.334.218.533</b>
<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.20.</b>	<b>58</b>	<b>1.546</b>

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**Vũ Duy Thôn**

**Phạm Đức Long**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		65.854.215.632	93.433.066.653
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(48.791.871.105)	(69.245.586.922)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.279.308.380)	(14.405.262.250)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.007.774.620)	(2.245.565.169)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.251.000.966)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.460.106.217	2.295.373.239
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.778.366.697)	(6.309.793.777)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.793.999.919)</b>	<b>3.522.231.774</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(99.406.063)	(5.758.027.501)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		594.140.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.868.989	19.850.673
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>503.602.926</b>	<b>(5.738.176.828)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38.560.809.753	42.859.131.673
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(34.385.521.884)	(40.294.865.271)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(753.998.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4.175.287.869</b>	<b>1.810.267.902</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.115.109.124)</b>	<b>(405.677.152)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.451.207.967</b>	<b>1.856.885.119</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>336.098.843</b>	<b>1.451.207.967</b>

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Duy Thôn

Phạm Đức Long

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2013****(tiếp theo)****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000039 ngày 24/12/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 1000283494 ngày 17/10/2013. Công ty đã có 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000283494 thay đổi lần thứ 6 ngày 17/10/2013 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **15.102.800.000 VND** (Mười lăm tỷ, một trăm lẻ hai triệu, tám trăm nghìn đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (chi tiết: Sản xuất xi măng);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn xi măng);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ xi măng).

Địa chỉ: Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3647 505 Fax: (84-36) 3647 506

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

***Áp dụng hướng dẫn kế toán***

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2013. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 tại thuyết minh số V.21.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán SAS INNOVA.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Tại thời điểm **31/12/2013**, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2013****(tiếp theo)**

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm &gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 17
Máy móc, thiết bị	3 - 14
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.0.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm &gt;</b>
Phần mềm máy vi tính	08

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay****Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí kiểm toán, chi phí vận chuyển, chi phí lãi vay thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên các hợp đồng thực hiện.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2013****(tiếp theo)****7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá thành phẩm và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là chi phí lãi vay.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng được ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

**(tiếp theo)**

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư mua sắm Máy xúc TCM 45 và xe nâng FD 25, được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

**11. Nguyên tắc ghi nhận khoản vay dài hạn.**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**11.2 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động bán xi măng thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ vận chuyển.

***Thuế Thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**11.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.**



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	<i>105.230.015</i>	<i>162.303.563</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>230.868.828</i>	<i>1.288.904.404</i>
Tiền VND	230.868.828	1.288.904.404
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Bình</i>	<i>230.868.828</i>	<i>1.288.904.404</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>336.098.843</b>	<b>1.451.207.967</b>
(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.		
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	8.914.436	3.000.000
<i>Trương Đình Huệ</i>	-	<i>1.000.000</i>
<i>Lại Tiến Hợp</i>	-	<i>2.000.000</i>
<i>Thuế GTGT hóa đơn chưa về</i>	<i>8.914.436</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.914.436</b>	<b>3.000.000</b>
3. Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.525.732.711	9.958.576.617
Công cụ, dụng cụ	544.775.750	462.362.039
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	495.889.425	6.167.866.661
Thành phẩm	5.998.535.642	661.687.770
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>12.564.933.528</b>	<b>17.250.493.087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**

Địa chỉ: Số 01 Quách Đình Bảo, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình

Tel: (84-36) 3647 505 Fax: (84-36) 3647 506

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*cho năm tài chính 2013*

**Mẫu B 09 - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013  
(tiếp theo)

**5. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Phần mềm kế toán SAS</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2013	33.500.000	33.500.000
- Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	33.500.000	33.500.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2013	25.125.000	25.125.000
- Khấu hao trong năm	4.020.000	4.020.000
Số dư ngày 31/12/2013	29.145.000	29.145.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2013	8.375.000	8.375.000
Tại ngày 31/12/2013	4.355.000	4.355.000

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

31/12/2013                      01/01/2013  
VND                                      VND

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	609.948.142
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	16.448.142
Mua sắm Tài sản cố định	-	593.500.000
Máy nghiền 8 tấn/1h	-	593.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>-</u>	<u>609.948.142</u>

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

31/12/2013                      01/01/2013  
VND                                      VND

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (*)	135.755.745	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>135.755.745</u>	<u>-</u>

(\*) Là giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

**8. Vay và nợ ngắn hạn**

Kỳ hạn                      Lãi suất                      31/12/2013                      01/01/2013  
(tháng)                      (%/năm)                      VND                                      VND

Vay ngắn hạn			18.889.145.196	15.310.547.377
Tiền VND				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Bình (1)	12 tháng	9%	18.889.145.196	15.310.547.377

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Ông Nguyễn Xuân Cả (2)	230.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.119.145.196</b>	<b>15.310.547.377</b>

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 18/12/2012, số tiền hạn mức dư nợ tối đa là: 20.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng 12 tháng kể từ ngày 18/12/2012, lãi suất được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Xuân Cả theo hợp đồng vay vốn số 02/HĐ-VV ngày 8/4/2013, số tiền vay 230.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 11%/năm

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

<b>Khoản mục</b>	<b>01/01/2013</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>31/12/2013</b>
Thuế GTGT đầu ra	243.820.612	2.494.618.679	2.250.907.398	487.531.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.228.348.397	29.351.235	2.251.000.966	6.698.666
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.608.328	-	6.608.328
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	210.015.075	212.000.000	210.015.075	212.000.000
Thuế khác	5.653.000	-	-	5.653.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng thuế và các khoản phải trả Nhà nước (**)</b>	<b>2.687.837.084</b>	-	-	<b>718.491.888</b>

**10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	133.606.846	-
Trích trước chi phí lãi vay	46.803.088	23.413.249
Trích trước phí kiểm toán	-	60.000.000
Trích trước tiền cước vận chuyển	-	122.163.530
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	60.777.605	179.910.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>241.187.539</b>	<b>385.487.098</b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	162.210.252	154.631.962
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	621.399.267	45.644.492
Bảo hiểm xã hội	72.332.129	-
Phải trả về cổ phần hoá	700.000.000	700.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	250.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Bảo hiểm thất nghiệp	82.269.587	80.055.461
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.364.621.596	552.285.596
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.002.832.831</b>	<b>1.782.617.511</b>

12. Vay và nợ dài hạn	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn			3.518.204.713	3.151.514.663
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Bình (1)	từ 30 - 60 tháng	12,5%	3.518.204.713	3.151.514.663
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.518.204.713</b>	<b>3.151.514.663</b>

(1) Gồm 2 hợp đồng: - Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 29/04/2011, số tiền vay hạn mức 15.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cao, công suất nung luyện Clinker Xi măng Pooc Lăng trắng, thời hạn vay 66 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, lãi suất cho vay được quy định từng thời điểm rút vốn.  
- Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 01/02/2013, số tiền hạn mức vay là 2.100.000.000 đồng, mục đích vay thực hiện dự án "Đầu tư trạm nghiền liệu 8 tấn/h phục vụ sản xuất xi măng trắng, thời hạn vay 30 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay được quy định từng thời điểm rút vốn, tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay với giá trị ước tính là: 2.563.000.000 đồng.

**13. Vốn chủ sở hữu**

**13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2012</b>	<b>15.102.800.000</b>	<b>414.468.979</b>	<b>3.224.037.089</b>	<b>18.741.306.068</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	2.334.218.533	<b>2.334.218.533</b>
Trích lập quỹ	-	-	(1.969.897.089)	<b>(1.969.897.089)</b>
Chia cổ tức	-	-	(755.140.000)	<b>(755.140.000)</b>
Tăng khác	-	499.000.000	-	<b>499.000.000</b>
Giảm khác	-	-	(499.000.000)	<b>(499.000.000)</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>15.102.800.000</b>	<b>913.468.979</b>	<b>2.334.218.533</b>	<b>18.350.487.512</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	88.053.706	<b>88.053.706</b>
Chia cổ tức	-	-	(1.812.336.000)	<b>(1.812.336.000)</b>
Trích lập quỹ	-	-	(521.882.533)	<b>(521.882.533)</b>
Tăng khác	-	212.201.684	-	<b>212.201.684</b>
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>15.102.800.000</b>	<b>1.125.670.663</b>	<b>88.053.706</b>	<b>16.316.524.369</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

(tiếp theo)

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tổng Hải Đường	-	321.600.000
Vũ Thị Cấp	-	159.340.000
Nguyễn Như Phát	-	93.900.000
Phạm Văn Tân	-	112.460.000
Phạm Quang Liêm	-	149.400.000
Các cổ đông khác	15.102.800.000	14.266.100.000
<b>Cộng</b>	<b>15.102.800.000</b>	<b>15.102.800.000</b>

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>15.102.800.000</b>	<b>15.102.800.000</b>
Vốn góp đầu năm	15.102.800.000	15.102.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.102.800.000	15.102.800.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.812.336.000</b>	<b>755.140.000</b>

13.4 Cổ phiếu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.510.280	1.510.280
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.510.280	1.510.280
- Cổ phiếu phổ thông	1.510.280	1.510.280
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.510.280	1.510.280
- Cổ phiếu phổ thông	1.510.280	1.510.280
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

13.5 Các quỹ của công ty	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	2.106.255.951	106.100.842	-	2.212.356.793
Quỹ dự phòng tài chính	1.167.460.603	106.100.842	-	1.273.561.445
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.273.716.554</b>	<b>212.201.684</b>	<b>-</b>	<b>3.485.918.238</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

**(\*) Mục đích trích lập các quỹ**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	72.964.557.130	81.062.137.226
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.695.800	1.338.407.935
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.106.252.930</b>	<b>82.400.545.161</b>
<b>15. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	66.132.196.079	72.361.014.398
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	141.695.800	1.338.407.935
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.273.891.879</b>	<b>73.699.422.333</b>
<b>16. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.868.989	19.850.673
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.868.989</b>	<b>19.850.673</b>
<b>17. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Lãi tiền vay	2.007.774.620	1.926.235.763
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.007.774.620</b>	<b>1.926.235.763</b>
<b>18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	74.117.502.781	83.383.565.046
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	74.000.097.840	80.554.209.249
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	117.404.941	2.829.355.797
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	29.351.235	707.338.949
Điều chỉnh giảm 30% chi phí thuế TNDN theo quy định tại TT 140/BTC/2012 ngày 21/08/2012	-	212.201.685
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.351.235	495.137.264
<b>19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.964.997.198	50.415.462.834
Chi phí nhân công	14.434.246.945	17.041.154.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.180.784.256	3.330.954.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.060.126.638	5.517.140.230
Chi phí khác bằng tiền	1.292.967.795	1.050.992.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.933.122.832</b>	<b>77.355.703.902</b>
<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	88.053.706	2.334.218.533
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.053.706	2.334.218.533
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.510.280	1.510.280
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	58	1.546

**21. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.8 và V.12, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2013****(tiếp theo)****Các loại Công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.098.843	1.451.207.967
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.717.610.172	4.163.966.785
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.053.709.015</b>	<b>5.615.174.752</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	22.637.349.909	18.462.062.040
Phải trả người bán và phải trả khác	14.680.068.637	4.813.548.314
Chi phí phải trả	241.187.539	385.487.098
<b>Tổng Cộng</b>	<b>37.558.606.085</b>	<b>23.661.097.452</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	14.680.068.637	-	14.680.068.637
Chi phí phải trả	241.187.539	-	241.187.539
Các khoản vay	19.119.145.196	3.518.204.713	22.637.349.909

<b>01/01/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	4.813.548.314	-	4.813.548.314
Chi phí phải trả	385.487.098	-	385.487.098
Các khoản vay	15.310.547.377	3.151.514.663	18.462.062.040

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Nhưng Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.098.843	-	336.098.843
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.717.610.172	-	18.717.610.172

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**  
*(tiếp theo)*

<b>01/01/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.451.207.967	-	1.451.207.967
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.163.966.785	-	4.163.966.785

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

**Doanh thu**

Bán hàng cho Công ty CP Thương mại xi măng Thái Bình

<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
Khách hàng tiêu thụ trên 50% sản phẩm	53.903.944.312	1.125.192.816

**1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm**

Lương và các khoản thu nhập khác

<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
663.472.846	565.011.400
<b>663.472.846</b>	<b>565.011.400</b>

**1.3 Số dư với các bên liên quan**

**Các khoản phải thu**

Công ty CP Thương mại xi măng Thái Bình

Khách hàng tiêu thụ trên 50% sản phẩm

<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
16.107.270.033	70.931.290

**2. Những thông tin khác**

**2.1 Phải thu của khách hàng**

Công ty CP Thương mại xi măng Thái Bình  
 Công ty CP Galaxy Việt Nam  
 Công ty TNHH TM DV và VLXD Thịnh Vượng  
 Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HALI  
 Bà Nguyễn Thị Sen  
 Ngô Thanh Hải - Công ty CP Công nghệ cao Nhiệt Đới  
 Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Phước  
 Chi nhánh Công ty CP LQJOTON tại Hải Dương  
 Trần Thị Hòa

<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
16.107.270.033	70.931.290
5.015.630	1.077.268.130
10.000.000	599.801.100
-	55.516.500
-	229.254.565
-	55.539.000
220	526.491.350
-	352.639.980
50.584.300	200.584.300

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

(tiếp theo)

Công Ty Cổ phần Kiến Trúc Mỹ Thuật TreeLife	1.472.030.815	-
Công ty TNHH TNC	946.650.134	-
Cơ Sở SX GANITO	-	122.230.750
Các đối tượng khác	272.657.294	987.283.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.864.208.426</b>	<b>4.277.540.725</b>
<b>2.2 Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại 3TK	15.675.000	-
Công ty TNHH SXTMDV Bạch Việt MB	9.794.400	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.469.400</b>	<b>-</b>
<b>2.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tạm ứng</b>	<b>87.027.600</b>	<b>-</b>
Ông Nguyễn Minh Thành	45.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Cả	38.000.000	-
Các đối tượng khác	4.027.600	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.027.600</b>	<b>-</b>
<b>2.4 Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH PT DV CN Mạnh Thắng	-	1.113.750.000
Công ty TNHH Gas Phú Hoàng An	-	276.225.000
Công ty Cổ phần hóa chất Việt Trì	-	109.120.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Hà	8.262.665	36.794.715
Công ty TNHH Đặng Dũng	1.756.326.002	429.599.522
Công ty TNHH Ngọc Huyền	-	215.271.947
Công ty Cổ phần Mông Sơn	657.580.001	305.800.000
Xí nghiệp chế biến và Kinh doanh than Huy Hoàng	4.112.958.025	-
Công ty TNHH Thương mại vận tải Phú Lợi	1.306.370.453	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Minh Dũng	116.199.310	198.858.660
Đối tượng khác	2.719.539.350	345.510.959
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.677.235.806</b>	<b>3.030.930.803</b>
<b>2.5 Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xuân Thủy	-	1.598.266
Công ty TNHH Quân Định	300	14.436.300
Công ty TNHH Sơn NERO	67.500	2.350.572
Các đối tượng khác	2.474.530	6.607.798
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.542.330</b>	<b>24.992.936</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

2.6 Chi phí bán hàng	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí bằng tiền khác	325.198.735	541.215.384
<b>Cộng</b>	<b>325.198.735</b>	<b>541.215.384</b>
2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.404.009.730	2.980.311.516
Chi phí vật liệu quản lý	265.640.736	189.463.619
Chi phí đồ dùng văn phòng	174.412.116	143.183.700
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.499.272	120.097.266
Thuế, phí và lệ phí	321.003.662	325.926.691
Chi phí dự phòng	38.938.750	(3.847.772)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.572.471	114.000.000
Chi phí bằng tiền khác	907.302.374	518.200.749
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.337.379.111</b>	<b>4.387.335.769</b>
2.8 Thu nhập khác	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Đền bù giải phóng mặt bằng	391.100.000	676.412.500
Chuyển số dư quỹ trợ cấp mất việc làm	-	181.005.600
Thu nhập từ thanh lý vật tư và tài sản cố định	540.127.160	-
Thu nhập khác	71.153.702	105.751.112
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.002.380.862</b>	<b>963.169.212</b>
2.9 Chi phí khác	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thanh lý vật tư không cần dùng	55.853.135	-
Chi phí khác	360	-
<b>Cộng</b>	<b>55.853.495</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

*Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2014*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Vũ Duy Thôn**

**Phạm Đức Long**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

**4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>15.054.363.578</b>	<b>45.653.576.584</b>	<b>674.062.999</b>	<b>237.486.684</b>	<b>61.619.489.845</b>
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.522.131.965	-	-	<b>3.522.131.965</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.311.433.470)	-	-	<b>(1.311.433.470)</b>
Giảm theo Thông tư 45/2013	-	(842.573.306)	-	(89.948.684)	<b>(932.521.990)</b>
Tăng khác	-	-	514.154.545	-	<b>514.154.545</b>
Giảm khác	(1.242.383.215)	-	-	-	<b>(1.242.383.215)</b>
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>13.811.980.363</b>	<b>47.021.701.773</b>	<b>1.188.217.544</b>	<b>147.538.000</b>	<b>62.169.437.680</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>9.678.520.705</b>	<b>22.279.007.517</b>	<b>273.069.311</b>	<b>209.201.074</b>	<b>32.439.798.607</b>
Khấu hao trong kỳ	818.453.663	3.306.701.665	48.757.728	2.851.200	<b>4.176.764.256</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.311.433.470)	-	-	<b>(1.311.433.470)</b>
Giảm theo Thông tư 45/2013	-	(756.439.598)	-	-	<b>(756.439.598)</b>
Giảm khác	(1.175.075.882)	-	-	(81.676.684)	<b>(1.256.752.566)</b>
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>9.321.898.486</b>	<b>23.517.836.114</b>	<b>321.827.039</b>	<b>130.375.590</b>	<b>33.291.937.229</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>5.375.842.873</b>	<b>23.374.569.067</b>	<b>400.993.688</b>	<b>28.285.610</b>	<b>29.179.691.238</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>4.490.081.877</b>	<b>23.503.865.659</b>	<b>866.390.505</b>	<b>17.162.410</b>	<b>28.877.500.451</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.254.502.170 VND

(\*) Giảm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Trong đó:

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 445.119.288 VND.

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng vẫn còn GTCL là: 464.791.239 VND